TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/5/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Quang Thịnh.

2/ Bà Nông Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Diệu Thương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/3/2019 về việc kiện "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vi Thị S**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Bàn Văn B**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Sinh và anh Bích đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2018, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị S trình bày như sau:

Chị và anh Bàn Văn B chung sống với nhau từ năm 1994, việc anh chị chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đến ngày 11/8/2001 anh chị tự nguyện ra UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bàn bạc được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh B thường xuyên

đánh đập chị, có lần đánh đến mức phải nhập viện và hiện nay anh B đã đi ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Từ cuối năm 2017 anh chị sống ly thân đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn B.

- Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung là Bàn Thị T, sinh ngày 08/6/1995; Bàn Thị X, sinh tháng 3/1997; Bàn Văn T, sinh ngày 06/11/1999. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động được, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh B có một số tài sản chung nhưng vợ chồng chị tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh B không có vay nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 05/4/2019 và tại phiên tòa bị đơn anh Bàn Văn B trình bày:

Anh và chị Vi Thị S chung sống với nhau từ năm 1994, việc anh chị chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đến ngày 11/8/2001 anh chị tự nguyện ra UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường không xảy ra mâu thuẫn gì đến tháng 12 năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh có đi ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã, anh có đánh chị S và chị S bỏ nhà đi từ cuối năm 2017 đến nay không về nhà. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2017 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng. Anh B xác định vẫn còn tình cảm với chị S nên muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị S có 03 con chung là Bàn Thị T, sinh ngày 08/6/1995; Bàn Thị X, sinh tháng 3/1997; Bàn Văn T, sinh ngày 06/11/1999. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động được, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị S có một số tài sản chung nhưng vợ chồng chị tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị S không có vay nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2019, Trưởng thôn P, xã T cho biết như sau:

Chị S và anh B có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H vào ngày 11/8/2001. Quá trình chung sống chị S và anh B có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B thường xuyên đi uống rượu về rồi đánh chửi vợ con, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào năm 2016, anh B có đi ngoại tình với người phụ nữ khác sau đó về đánh chửi vợ nên chị S đã bỏ nhà đi làm ăn ở nơi khác không dám về nhà nữa và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Theo thôn nắm được thì tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh B đã mâu thuẫn rất căng thẳng, trầm trọng nếu có quay về đoàn tụ thì cũng không thể chung sống hạnh phúc được. Nay chị S có đơn xin ly hôn thôn không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện tốt.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị S, đề nghị xử cho chị Vi Thị S ly hôn với anh Bàn Văn B. Ngoài ra còn đề nghị trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vi Thị S và anh Bàn Văn B chung sống với nhau từ năm 1994, đến ngày 11/8/2001 anh chị tự nguyện ra UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng của anh chị chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bàn bạc được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Anh B

thường xuyên uống rượu về rồi đánh chửi vợ con và còn đi ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài và không còn quan hệ gì với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết ly hôn mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tuy anh B không nhất trí ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho chị Vi Thị S được ly hôn anh Bàn Văn B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về con chung: Chị S và anh B có 03 con chung là Bàn Thị T, sinh ngày 08/6/1995; Bàn Thị X, sinh tháng 3/1997; Bàn Văn T, sinh ngày 06/11/1999. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động được. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Chị Vi Thị S và anh Bàn Văn B có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về vay nợ chung: Chị Vi Thị S và anh Bàn Văn B xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Vi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị S ly hôn anh Bàn Văn B.

- Về án phí: Chị Vi Thị S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0002037 ngày 04/3/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bàn Văn B không phải chịu án phí.

Chị Vi Thị Sinh và anh Bàn Văn Bích có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hàm Yên;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tùng